

GIỚI QUYẾT VÀN Ữ DI C- TỰ DO CỦA NG- ỜI HÔNG **MIỀN NÚI HAI TỈNH THANH HÓA VÀ NGHỆ AN**

ĐU TUÂN NAM

1. Khái quát về tình hình di c- tự do của ng- ời Hông ở miền núi Thanh Hóa và Nghệ An

Tr- ớc đây, hoạt động di c- tự do của ng- ời Hông ở miền núi hai tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An chỉ diễn ra nhỏ lẻ, với quy mô không lớn và số l- ợng cũng không nhiều, chủ yếu là di c- nội vùng, nội tỉnh. Tuy nhiên, kể từ năm 1991 đến nay, tình trạng di

c- tự do của ng- ời Hông ở hai tỉnh này bắt đầu phát triển, cả về số l- ợng và quy mô các luồng di c-. Trong vòng 15 năm (từ năm 1991 đến năm 2005) ở miền Tây hai tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An có 3.895 hộ, 26.852 ng- ời Hông di c- tự do (trong đó, Thanh Hóa có 2.464 hộ, 18.654 khẩu; Nghệ An có 1.431 hộ, 8.198 khẩu), với nhiều luồng di c- khác nhau đ- ợc thể hiện qua bảng sau:

Di c- tự do của ng- ời Hông ở miền núi hai tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An (1991-2005)

Luồng di c-	Thanh Hóa		Nghệ An		Cả hai tỉnh	
	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
Phía Bắc vào	1398	12045	0	0	1398	12045
Lào về	23	145	117	589	140	734
Tây Nguyên về	10	56	0	0	10	56
Sang Lào	175	920	1005	5746	1180	6666
Vào Tây Nguyên	246	1445	29	151	275	1596
Trở về phía Bắc	368	2414	0	0	368	2414
Nội tỉnh	244	1629	280	1712	524	3341
Cộng	2464	18654	1431	8198	3895	26852

Nguồn: Điều tra của Công an hai tỉnh Nghệ An và Thanh Hóa về di dân tự do của ng- ời Hông, từ năm 1999 đến năm 2006.

Thống kê trên cho thấy, tình hình di c- tự do của ng- ời Hông ở miền Tây Thanh Hóa, Nghệ An những năm qua có nhiều diễn biến phức tạp vì nơi này không chỉ là địa bàn nhập c- của ng- ời Hông từ các tỉnh miền núi phía Bắc vào, từ Lào sang và Tây Nguyên về, mà còn là địa bàn xuất c- tự do sang Lào và vào Tây Nguyên (Đậu Tuấn Nam, 2006, tr. 30-35).

2. Biện pháp và kết quả khắc phục tình trạng di c- tự do của ng- ời Hông vào miền núi Thanh Hóa và Nghệ An

Tr- ớc diễn biến phức tạp của tình hình di c- tự do của ng- ời Hông ở miền núi Thanh Hóa và Nghệ An, đặc biệt kể từ sau khi có Chỉ thị 660 TTg ngày 17/10/1995, Công điện số

1757/ĐP1 ngày 11/4/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết và ngăn chặn tình trạng di cư - tự do đến Tây Nguyên và một số tỉnh khác, các tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An đã đề ra nhiều chủ trương, biện pháp thông qua các chương trình, kế hoạch cụ thể nhằm giải quyết vấn đề di cư - tự do.

2.1. Ở Nghệ An

Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An đã chỉ đạo Ban di cư - phát triển vùng kinh tế mới (nay là Chi cục Định canh định cư - và Vùng kinh tế mới) tiến hành kiểm tra, đánh giá tình hình. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đề ra các biện pháp ngăn chặn, khắc phục hậu quả; đồng thời tiến hành xây dựng các đề án tổ chức di cư - nội tỉnh giai đoạn 1995-2000 và 2001-2010 trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định đầu tư để thu hút lao động và dân cư. Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An cũng đã cử nhiều đoàn công tác tiến hành khảo sát và làm việc với các Bộ, các ban ngành của Trung ương để xây dựng các dự án đầu tư giúp đồng bào di cư - tự do sớm ổn định cuộc sống và sản xuất.

Thực hiện chủ trương trên, trong những năm qua tỉnh Nghệ An đã tích cực chỉ đạo các huyện, ngành chức năng tích cực xây dựng các dự án phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, khai thác các vùng đất hoang hóa nhằm giải quyết việc làm cho người lao động ở khu vực nông nghiệp, nông thôn. Đối với các vùng đất có nhiều khó khăn trong khai thác (nhờ xa khu dân cư, giao thông khó khăn), tỉnh thành lập các Tổng đội Thanh niên xung phong xây dựng kinh tế để đưa lực lượng thanh niên, gia đình có lao động trẻ khỏe đến khai thác tiềm năng đất đai còn dồi dào và

tập trung trồng cây công nghiệp thực hiện các chương trình kinh tế lớn của tỉnh. Đến nay, toàn tỉnh đã thành lập được 10 Tổng đội Thanh niên xung phong xây dựng kinh tế mới; thực hiện 9 dự án xây dựng vùng kinh tế mới, 4 dự án sắp xếp bố trí dân cư trên tuyến đường Hồ Chí Minh và một số dự án khác... Giai đoạn từ năm 1996 đến năm 2002, Nghệ An đã tổ chức di cư - nội tỉnh được 5893 hộ, 25.194 khẩu; giải quyết việc làm và tạo thu nhập cho 11.786 lao động; đã khai thác và đưa vào sử dụng hàng ngàn hecta đất hoang hóa; nhờ vậy, đã hình thành các vùng cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến hoa quả, mía đường ở Nghĩa Đàn, Quỳnh Hợp, Tân Kỳ...

Ngoài việc tập trung phân bổ lao động, dân cư trên địa bàn nội tỉnh và đưa một số người dân có nhu cầu vào Tây Nguyên làm ăn và sinh sống, Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An cũng đã làm việc với Cục kinh tế của Bộ Quốc phòng và các Binh đoàn 15, 16 bàn về chỉ tiêu tuyển dụng và cung cấp lao động hàng năm cho các đơn vị theo hình thức hợp đồng dài hạn. Với những nỗ lực đó, từ năm 2000 đến nay, luồng di cư - tự do từ Nghệ An vào Tây Nguyên về cơ bản không còn phức tạp như trước.

Nhằm ngăn chặn và giải quyết hiệu quả các hậu quả tình trạng di cư - tự do qua biên giới Việt - Lào, Tỉnh ủy và Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An đã ban hành nhiều văn bản quan trọng (như Chỉ thị số 36 CT/TU ngày 14/9/1999 của Tỉnh ủy về tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự ở vùng biên giới rẻo cao; Quyết định số 2564/QĐ/UB ngày 5/11/1999 của Ủy ban Nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban chỉ đạo và quy trình tiếp nhận

ng-ời Hmông di c- trái phép sang Lào; Quyết định số 89 QĐ/TU ngày 12/3/2001 của Tỉnh uỷ về việc thành lập đoàn công tác xây dựng cơ sở Đảng và hệ thống chính trị ở nông thôn). Ngoài ra, Uỷ ban Nhân dân tỉnh còn tổ chức một số hội nghị chuyên đề quan trọng (nh- Hội nghị chuyên đề an ninh biên giới, trong đó đề ra các giải pháp ngăn chặn di dịch c- tự do (5/11/1999); Hội nghị bàn về giải pháp ngăn chặn di dịch c- sang Lào của đồng bào dân tộc Hmông (19/3/2002); xây dựng Kế hoạch 141 KH/UB ngày 23/5/2001, về vấn đề tập trung mở đợt vận động quần chúng ở vùng biên giới..).

Có thể nói, nhờ có những chủ tr-ong và biện pháp giải quyết kịp thời, công tác đối với di c- tự do đã thực sự đem lại nhiều kết quả rất đáng khích lệ. Trong những năm qua, Nghệ An đã thực hiện nhiều đợt tuyên truyền đối với đồng bào Hmông vùng biên giới xóa bỏ trồng cây thuốc phiện, thực hiện định canh định c-, xóa đói giảm nghèo và không di c- tự do; tăng c-ờng đầu t- xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội cho các huyện biên giới rẻo cao; trong đó, chú trọng triển khai thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nam (gồm các huyện: Kỳ Sơn, Con Cuông, T-ong D-ong, Anh Sơn, Tân Kỳ), dự án khai hoang ở Kỳ Sơn... Từ năm 1986 đến nay, Nghệ An đã xây dựng tr-ờng học cho 13/19 xã; các xã có dân tộc Hmông, các cụm bản lẻ cũng đã có lớp học; tất cả các xã trong huyện đã có trạm xá; mở thêm nhiều tuyến giao thông quan trọng, nâng cấp cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn; đầu t- thực hiện nhiều dự án định canh định c- ở Na Loi, Na Ngoi, Nậm Cắn (Kỳ Sơn)... Thực hiện Ch-ơng trình 135, Nhà n-ớc cũng đã đầu t- 400 triệu đồng/xã/năm. Nhờ có sự quan tâm giúp đỡ

của chính quyền các cấp (từ Trung - ơng đến địa ph-ơng), bộ mặt vùng dân tộc Hmông ở Nghệ An đã thực sự đổi thay; đời sống ng-ời dân đ-ợc nâng lên một b-ớc; do đó, đã góp phần ngăn chặn hiệu quả hoạt động di dịch c- tự do.

2.2. Ở Thanh Hóa

□ Thanh Hóa, ngay sau khi xuất hiện những đợt chuyển c- tự do ô ạt của ng-ời Hmông từ các tỉnh miền núi phía Bắc vào một số xã vùng cao, vùng sâu huyện Quan Hóa (bao gồm hai huyện M-ờng Lát và Quan Sơn hiện nay), Th-ờng vụ Tỉnh uỷ Thanh Hóa đã có chủ tr-ong chỉ đạo giải quyết vấn đề di c- tự do theo h-ớng vận động, thuyết phục và tạo điều kiện thuận lợi để ng-ời di c- trở về quê cũ. Cùng với các biện pháp tuyên truyền và thuyết phục các đối t-ơng này, Uỷ ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa còn chi hàng trăm triệu đồng ngoài ngân sách cho chính quyền các cấp huyện, xã để vận động và đ-a đồng bào trở về quê cũ; cân đối ngân sách nhằm dành một phần kinh phí để ổn định đời sống cho những ng-ời di c- tự do đến; tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện nhiều ch-ơng trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội (nh- các dự án thuộc Ch-ơng trình 327; trong đó, có 13 dự án lâm tr-ờng, 6 dự án nông tr-ờng, một dự án rừng đặc dụng, một dự án rừng phòng hộ đầu nguồn và 29 dự án định canh định c-). Ngoài ra, Uỷ ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa cũng đã chỉ đạo thực hiện các dự án chuyển đổi trồng cây thuốc phiện, dự án hỗ trợ vùng dân tộc đặc biệt khó khăn và dự án xây dựng trung tâm cụm xã ở các huyện vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Huyện uỷ, Uỷ ban Nhân dân huyện Quan Hóa (cũ) cũng đã thành lập

ban chỉ đạo, tăng cường cán bộ xuống tận thôn bản để tuyên truyền, vận động và thuyết phục đồng bào di cư - tự do không phá rừng đầu nguồn và không trồng cây thuốc phiện...

Sau khi có Chỉ thị 660 TTg của Thủ tướng Chính phủ (10/1995), Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã tập trung phát triển kinh tế - xã hội gắn với công tác bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn miền núi, vùng dân tộc nói chung và vùng đồng bào Hmông di cư - tự do đến nói riêng; đẩy mạnh thực hiện các chương trình quốc gia nhằm xây dựng và phát triển kinh tế miền núi, xây dựng khu vực phòng thủ an ninh - quốc phòng; ban hành Chỉ thị 21/CT-UB về tăng cường công tác chỉ đạo xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng ở 15 xã biên giới; thực hiện chính sách trợ giá, trợ cấp cho miền núi, biên giới; miễn thuế đất nông nghiệp cho vùng cao; trợ cấp lương giáo viên; cấp muối i-ốt, thuốc chữa bệnh cho đồng bào; ưu tiên xét tuyển con em người dân tộc vào các trường cao đẳng, chuyên nghiệp và các trường nội trú...

Ủy ban Nhân dân tỉnh cũng đã chỉ đạo các huyện Quan Hóa và Mường Lát triển khai dự án sắp xếp bố trí đồng bào dân tộc di cư - vào 27 bản quy hoạch với các nội dung chủ yếu là quy hoạch các khu dân cư mới để chuyển đồng bào di cư - tự do ra khỏi vùng rừng đầu nguồn xung yếu, hỗ trợ sản xuất và đời sống cho đồng bào cả di cư - và không di cư -, xây dựng một số cơ sở hạ tầng cơ bản như: trường học, nhà ở sinh hoạt, khai hoang ruộng nương, giao thông thôn bản... Để được sự hỗ trợ kinh phí của Nhà nước, các huyện Quan Hóa và Mường Lát đã đầu tư ba dự án kinh tế ở các xã Tam Chung, Trung Lý (Mường Lát) và Phú Sơn (Quan Hóa) nhằm

ổn định cuộc sống cho đồng bào dân tộc di cư - với tổng giá trị lên tới 21,3 tỷ đồng; trong đó, đầu tư cho vùng đồng bào Hmông di cư - tự do là 8,5 tỷ đồng.

Tháng 7/2002, Tỉnh ủy Thanh Hóa triển khai đề án “Ổn định đời sống của đồng bào dân tộc di cư - và ngăn chặn hoạt động tôn giáo trái phép ở vùng dân tộc” với bốn mục tiêu: (1) Xây dựng củng cố hệ thống cơ sở ở những nơi có đồng bào Hmông di cư - và truyền đạo trái phép đủ mạnh để tập hợp quần chúng nhân dân; (2) Sắp xếp ổn định dân cư - theo quy hoạch; tổ chức tốt các hoạt động sản xuất; bảo vệ tài nguyên rừng; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho từng cụm dân cư -, giúp đồng bào phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; (3) Giữ vững trật tự an toàn xã hội và an ninh biên giới; xây dựng địa bàn dân cư lành mạnh; nâng cao tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc trong vùng; và (4) Ngăn chặn và từng bước chấm dứt tình trạng di cư - tự do và truyền đạo trái phép ở các vùng dân tộc. Về tổ chức thực hiện đề án, tỉnh đã phân công 51 ban ngành, các cơ quan đoàn thể cấp tỉnh nhận giúp đỡ 51 bản đặc biệt khó khăn (chủ yếu là các bản vùng sâu, vùng xa và các bản đồng bào Hmông từ các tỉnh phía Bắc di cư - tự do đến) nhằm giúp đỡ đồng bào về tổ chức sản xuất, xây dựng đời sống văn hóa, hệ thống chính trị và củng cố an ninh - quốc phòng. Kết quả là các dự án kinh tế ở các xã Tam Chung, Trung Lý (Mường Lát) và Phú Sơn (Quan Hóa) đã ổn định tại chỗ được 96 hộ (chiếm 12%); chuyển ra nơi ở mới được 245 hộ (30,7%); cơ bản hoàn thành các công trình cơ sở hạ tầng như: xây dựng bốn công trình giao thông, một công trình thủy

lợi, một ch-ơng trình khai hoang 12 ha rừng, bảy ch-ơng trình n-ớc sạch... Nhờ vậy, đời sống đồng bào Hmông di c- tự do từ các tỉnh miền núi phía Bắc đến Thanh Hóa cơ bản đã ổn định; số đồng bào Hmông di c- từ Thanh Hóa đi nơi khác phần nào đ-ợc kiềm chế¹; ngăn chặn hiệu quả và không để hoạt động truyền đạo Tin Lành trái phép từ ng-ời Hmông di c- tự do sang ng-ời Hmông bản địa. Đồng bào Hmông di c- tự do đã có chuyển biến về nhận thức, tự giác viết đơn cam kết không tiếp tục di c-, không hoạt động tôn giáo trái phép. Đây là cơ sở quan trọng để chúng ta thực hiện công tác vận động quần chúng tham gia giám sát, quản lý số cầm đầu tổ chức ng-ời Hmông di c- và truyền đạo trái phép. Cũng qua vận động quần chúng, các tổ công tác đã tuyển chọn đ-ợc 15 ng-ời để đào tạo nguồn cán bộ tại chỗ, giới thiệu cho cấp uỷ địa ph-ơng 11 thanh niên ng-ời Hmông di c- gửi đi học lớp cảm tình Đảng; hệ thống chính trị cơ sở qua đó đ-ợc củng cố; hoạt động của đội ngũ tr-ởng bản ngày càng có hiệu quả.

3. Những vấn đề tồn tại

Bên cạnh những kết quả vừa nêu trên, cũng vẫn còn một số hạn chế:

- Tr-ớc hết, đó là nhận thức của các cấp, các ngành và ng-ời dân về vị trí, vai trò và

tác động của di c- tự do tuy có chuyển biến, nh- ng nhiều lúc, nhiều nơi vẫn còn bị xem nhẹ. Công tác tuyên truyền, thuyết phục để ng- ời dân hiểu rõ chủ tr- ơng, đ- ờng lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà n- ớc ch- a th- ờng xuyên và liên tục, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa. Đồng thời, ch- a thu hút và huy động đ- ợc các đoàn thể quần chúng tham gia cùng với chính quyền vận động đồng bào thay đổi tập quán lạc hậu, nâng cao dân trí cộng đồng, biết cách làm ăn tăng thu nhập, ổn định cuộc sống bền vững lâu dài; ở một số nơi, việc tuyên truyền vận động nhân dân phát huy nội lực, tích cực lao động sản xuất để cải thiện đời sống còn hạn chế; do vậy, không ít nơi xuất hiện t- t- ởng ỷ lại, trông chờ vào sự đầu t- của Nhà n- ớc.

- Việc đầu tư - phát triển kinh tế trong thời gian qua đã đi-ợc các cấp, các ngành quan tâm, nh-ng thiếu thống nhất, không tập trung và thiếu đồng đều, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa - nơi đời sống của ng-ời dân còn gặp nhiều khó khăn. Tuy vốn đầu tư - hàng năm đều tăng, song do đây là địa bàn có ng-ời di cư - tự do đi và đến với số l-ợng lớn, cộng với địa bàn quá rộng và phức tạp nên công tác triển khai thực hiện gặp rất nhiều khó khăn. Có thể nói, chỉ một số ít dự án định canh định cư - thực sự mang lại hiệu quả và mức độ cũng rất hạn chế, ch-a đủ điều kiện để khắc phục một cách căn bản tình hình di cư - tự do trái phép vào các khu rừng nguyên sinh ở Quan Hóa, M-òng Lát. Thậm chí, đã có một số dự án khác đi-ợc phê duyệt, nh-ng việc đầu tư - phát triển còn rất hạn chế và ch-a bao hàm nội dung định canh định cư - đối với vùng còn đồng bào du canh du cư - và di cư - tự do

1 Tuy nhiên, từ cuối năm 2004 đến nay, tình hình di cư tự do của người Hmông ở Thanh Hóa đang có dấu hiệu phần nào giảm bớt. Năm 2005, có 117 hộ, 979 người Hmông rời Thanh Hóa đi tìm nơi ở mới; trong đó, có 59 hộ, 544 khẩu đi Tây Nguyên; 2 hộ, 19 khẩu đi Lào; 35 hộ, 221 khẩu đi các tỉnh khác; 21 hộ, 185 khẩu di cư nội tỉnh. Đáng chú ý là vào tháng 5 năm 2005, ở Mường Lát xuất hiện Công ty trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ nông nghiệp và Thương mại Mai Khôi (có trụ sở tại xã Quảng Khê, huyện Đắk Nông) đứng ra tổ chức đưa người Hmông từ các xã Trung Lý, Mường Lý và Tam Chung đi vào Tây Nguyên.

(nh- dự án v- ờn quốc gia Bến En, rừng phòng hộ đầu nguồn sông Chu...).

- Công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục đồng bào Hmông di c- tự do chuyển ra nơi ở mới theo quy hoạch tuy đã có nhiều cố gắng, song công tác này vẫn ch- a đạt yêu cầu. Nguyên nhân là, một mặt, ng- ời Hmông di c- từ các tỉnh miền núi phía Bắc đến số l- ợng quá nhiều, trong khi địa bàn quy hoạch không thể đáp ứng đ- ợc; các điều kiện về n- ớc sinh hoạt, đất đai canh tác cũng gặp khó khăn; mặt khác, đây là địa bàn rất phức tạp về địa hình, các điểm c- trú phân tán, đi lại khó khăn; đó là ch- a nói đến một số hộ không chấp hành các quy định của Nhà n- ớc, tiếp tục phá rừng làm n- ơng rẫy, cá biệt có hộ còn chống đối làm cho công tác triển khai dự án gặp không ít khó khăn.

- Trong quá trình thực hiện các chính sách dân tộc, những yếu tố thuộc về văn hóa, phong tục, tập quán, tín ng- ỡng của các dân tộc ch- a đ- ợc các ngành, các cấp quan tâm thỏa đáng; từ đó, tạo kẽ hở để bọn xấu lợi dụng lời kéo, kích động đồng bào di c- tự do, truyền đạo Tin Lành trái phép.

- Hệ thống chính trị cơ sở còn yếu ở nhiều ph- ơng diện, ch- a phát huy đ- ợc vai trò tập hợp quần chúng và giải quyết các vụ việc xảy ra trên địa bàn. Sự lãnh đạo của cấp uỷ và chính quyền các cấp ch- a ngang tầm với nhiệm vụ chính trị, ch- a phát huy đ- ợc sức mạnh tổng hợp của cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân. Thậm chí, một số cán bộ, đảng viên quan liêu xa rời quần chúng, thoái hóa, biến chất, vi phạm pháp luật làm giảm lòng tin của quần chúng

nhân dân. Trình độ văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị của một bộ phận cán bộ đảng viên còn thấp kém, ch- a đ- ợc bồi d- ỡng để nâng cao nhận thức mọi mặt. Công tác xây dựng Đảng còn rập khuôn, máy móc, ch- a vận dụng sáng tạo phù hợp với thực tế ở địa ph- ơng, đã tạo ra nhiều bản trắng không có đảng viên, nhất là ở vùng sâu, vùng xa - nơi có đông đảo ng- ời Hmông sinh sống. Do đó, không tạo ra đ- ợc các nhân tố tích cực cho phong trào, đặc biệt là cho việc thực hiện các chủ tr- ơng của Đảng, các chính sách của Nhà n- ớc và những nhiệm vụ chính trị của địa ph- ơng.

4. Kết luận và khuyến nghị

- Di c- tự do là vấn đề kinh tế - xã hội có tính khách quan. Do đó, muốn giải quyết vấn đề di c- tự do của ng- ời Hmông ở miền núi hai tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An, tr- ớc hết phải thực hiện định canh, định c- nhằm ổn định và nâng cao đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội cho đồng bào. Để thực hiện tốt công tác định canh định c-, ngay từ việc xây dựng quy hoạch (kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm) phải thống nhất, thay vì giải quyết theo khả năng và vận dụng theo đặc điểm riêng của từng địa ph- ơng nh- hiện nay, vừa không đảm bảo đ- ợc tính ổn định, bền vững, vừa làm cho các địa ph- ơng luôn bị động, dẫn đến giải quyết sự việc một cách chấp vá, không đồng bộ, hiệu quả sắp xếp định canh định c- cho ng- ời di c- không cao và, trên thực tế, chính quyền địa ph- ơng rất khó kiểm soát, không ngăn chặn đ- ợc tình trạng di c- đi và đến, sắp xếp đ- ợc chỗ này thì họ bỏ đi chỗ khác.

- Cùng với việc ổn định và nâng cao đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của đồng bào Hmông, phải đấu tranh chống các hoạt động lợi dụng tuyên truyền kích động đồng bào Hmông di c- vì mục đích chính trị nhất là trong bối cảnh các thế lực phản động đang muốn lôi kéo ng-ời Hmông di c- về khu vực “Tam giác vàng” để tập hợp lực l-ợng thành lập “V-ơng quốc Hmông tự trị”. Tuy nhiên, di c- là quy luật khách quan; do đó, không thể ngăn cản quá trình di c- bằng các biện pháp hành chính c-ỡng bức, dẫn tới việc đẩy đồng bào Hmông phải tiếp tục di c- sang Lào theo phỉ hoặc vào Tây Nguyên.

- Trên cơ sở điều hành thống nhất của Chính phủ về giải quyết tình trạng di c- tự do, cần có cơ chế phối hợp gắn quản lý hành chính với tuyên truyền vận động nhân dân, gắn trách nhiệm và nghĩa vụ giữa địa ph-ơng có dân đi và địa ph-ơng có dân đến; từ đó, xây dựng đề án giải quyết một cách tổng thể. Tuy nhiên, đề án có tính khả thi phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các địa ph-ơng có dân đi với địa ph-ơng có dân đến và có sự hỗ trợ của Chính phủ.

- Để giải quyết tình trạng di c- tự do của ng-ời Hmông ở vùng núi Thanh Hóa và Nghệ An hiện nay, Chính phủ cần giao nhiệm vụ cụ thể gắn với một cơ cấu tổ chức chuyên trách t-ơng ứng, thống nhất chỉ đạo trong cả n-ớc và giữa các tỉnh với nhau, cũng nh- sự phối hợp với các quốc gia có liên quan.

Tài liệu tham khảo

1. Đậu Tuấn Nam (2005), “Di c- tự do của ng-ời Hmông ở miền Tây Nghệ An (Thực trạng và những vấn đề đặt ra)”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 6, tr. 44-48.
2. Đậu Tuấn Nam (2006), “Tình hình di dân tự do của ng-ời Hmông ở miền Tây Thanh Hóa và Nghệ An hiện nay”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 30-35.
3. Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An (2003), *Báo cáo tình hình thực hiện chỉ thị số 660/TTg ngày 17/10/1995 của Thủ t-ớng Chính phủ về giải quyết tình trạng di c- tự do đến các tỉnh miền Nam và di c- tự do sang n-ớc Lào, Vinh*.
4. Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An (2005), *Đề án phát triển kinh tế - xã hội miền núi tỉnh Nghệ An đến năm 2010 theo tinh thần Nghị quyết 37-NQ/TW của Bộ Chính trị*, Nghệ An.
5. Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An (2006), *Đề án chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với các xã vùng miền núi, biên giới Nghệ An giai đoạn 2006 - 2010*, Nghệ An.
6. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa (2005), *Đề án phát triển kinh tế - xã hội miền núi tỉnh Thanh Hóa đến năm 2010 theo tinh thần Nghị quyết 37-NQ/TW của Bộ Chính trị*, Thanh Hóa.
7. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa (2006), *Đề án chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với các xã vùng miền núi, biên giới tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2006 - 2010*, Thanh Hóa.